

Số: 1103/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:
Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất
thải nguy hại năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Văn bản số 914/ĐLTKV-KH ngày 08/6/2026 của Tổng công ty Điện lực TKV về việc Giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-ĐN5 ngày 11/6/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ báo cáo thẩm định dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp của Tổ thẩm định ngày 27/7/2026;

Theo đề nghị của Tổ tư vấn tại tờ trình ngày 24/7/2026 V/v Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026 với những nội dung sau:

- Giá trị dự toán xử lý chất thải: **37.622.730 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi đồng). Giá đã bao gồm các chi phí thu gom, chi phí vận chuyển, chi phí xử lý, thuế, phí liên quan. Chi tiết phụ lục dự toán đính kèm.

- Giá trị dự toán thu hồi sau xử lý chất thải: **92.845.021 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm hai mươi một đồng.) Giá đã bao gồm các chi phí thu gom, chi phí vận chuyển, thuế, phí liên

quan. Chi tiết phụ lục dự toán đính kèm.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Thời gian thực hiện: Trong vòng 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 1, Điều 15, Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp: Tháng 7/2026.

- Địa điểm bàn giao chất thải: Tại kho Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.

- Địa điểm thu mua sản phẩm: Tại đơn vị xử lý sau khi đã được xử lý

Điều 2. Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ được phê duyệt là căn cứ để tổ chức lựa chọn nhà cung cấp và các công tác khác có liên quan.

Điều 3. Giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, Tổ tư vấn, Tổ thẩm định tổ chức thực hiện lựa chọn nhà cung cấp đúng theo quy định hiện hành và giao cho Phòng KT-AT thực hiện giám sát, nghiệm thu công tác Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026 của nhà cung cấp thực hiện gói cung cấp nêu trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các phòng có liên quan trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website ĐLTKV (để đăng tải);
- Lưu: VT, KT-AT, TCKT, KHĐT.VT.P(04)



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 01
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ DỰ TOÁN
Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026.
(Kèm theo QĐ số 1103/QĐ-ĐN5 ngày 27/7/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV)

ĐVT: VNĐ

STT	Tên chất thải	ĐVT	Khối lượng (kg)	Giá trị xử lý		Tỷ lệ thu hồi dầu tối thiểu 80%	Giá trị thu hồi		Ghi chú
				Đơn giá xử lý (đồng)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bán sau xử lý (đồng)	Thành tiền (đồng)	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)=(3)*80%	(7)	(8)=(6)*(7)	
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	kg	13.701,05	2.407,41	32.984.009	10.960,84	7.037,04	77.131.837	Giá trị thu hồi tạm tính tối thiểu 80%
2	Vỏ thùng phuy có dính dầu mỡ	phuy	80	23.148,15	1.851.852	80,00	90.909,09	7.272.727	Thu hồi 100%
	Tổng giá trị trước thuế				34.835.861			84.404.564	
	Thuế GTGT 8% (xử lý)				2.786.869				
	Thuế GTGT 10% (bán sản phẩm)							8.440.457	
	Tổng giá trị sau thuế				37.622.730			92.845.021	



PHỤ LỤC 02
NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP

**Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất
thải nguy hại năm 2026**

*(Kèm theo QĐ số 1103 /QĐ-ĐN5 ngày 27/7/2026 của Công ty Thủy điện Đồng
Nai 5 - TKV)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT	6
Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ	6
Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất	6
Mục 3. Các yêu cầu về thương mại.....	6
Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất	7
Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất.....	7
Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất	8
Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.....	8
Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất.....	8
Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất	7
Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp.....	9
Mục 11. Hợp đồng	10
Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ	11
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU.....	12

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ

1. Tên gói cung cấp: Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026.
2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026;
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. (Trong đó thời gian thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.)
4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm giao nhận CTNH: Tại kho Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.
6. Địa điểm bán sản phẩm: Tại đơn vị xử lý CTNH.
7. Phạm vi cung cấp dịch vụ: Chi tiết như Mục 2, Chương III của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có đơn đề xuất dự cung cấp có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm dưới đây.
2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:
 - Đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - Có đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.
 - Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.
3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản sao có chứng thực);
 - Tài liệu chứng minh đủ điều kiện hoạt động Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại do cấp có thẩm quyền cấp như: Giấy phép xử lý chất thải nguy hại/Giấy phép môi trường có thể hiện rõ chức năng xử lý CTNH (Bản sao có chứng thực);
 - Báo cáo tài chính 03 năm từ năm 2023-2025 có đầy đủ thuyết minh báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan thuế và xác nhận của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế với nhà nước năm 2025 và Tờ khai thuế GTGT; Tờ khai tự quyết toán thuế năm 2025 (thuế thu nhập doanh nghiệp); có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai hoặc Tờ khai tự quyết toán thuế năm 2025 (thuế thu nhập doanh nghiệp); Tờ khai thuế GTGT và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử của năm 2025.
 - Có ít nhất 01 hồ sơ hợp đồng tương tự: Hợp đồng về công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; hợp đồng Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh lý hợp đồng; Hóa đơn tài chính theo quy định

(bản sao có chứng thực).

- Cam kết trên đơn chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.

2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.

3. Nhà cung cấp chào trọn gói cho toàn bộ các công việc theo nội dung yêu cầu của gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 1 đính kèm.

4. Địa điểm thực hiện: Tại kho Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.

5. Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ;

2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;

3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà

cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

4. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá là **45 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề xuất phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước **15 giờ 30 phút ngày 31 tháng 07 năm 2026**, có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn **15 giờ 30 phút ngày 31 tháng 7 năm 2026**. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, giá trị bảo lãnh, thời gian và hiệu lực của bảo lãnh sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách

hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

- Được phép làm rõ.
- Không được thay đổi giá.
- Không được thay đổi bản chất hồ sơ.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ;
- Tiến độ cung cấp dịch vụ;
- Thời hạn cung cấp dịch vụ;
- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05

Chương III - Biểu mẫu.

4. Đánh giá về giá:

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v....

Tổng giá trị hàng hóa do NCC đề xuất là giá chào thấp nhất và không vượt giá dự toán đã được phê duyệt.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05 Chương III

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ

Nhà cung cấp phải chào dịch vụ theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Tên gói: Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026;

Phạm vi, nội dung yêu cầu của cung cấp dịch vụ

Khối lượng chất thải nguy hại dự kiến trong năm

STT	Tên chất thải	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
I	Sản phẩm thu hồi sau xử lý CTNH			
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	kg	10.960,84	Khối lượng dự kiến
2	Vỏ thùng phuy	phuy	80	
II	Chi phí xử lý sản phẩm			
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	kg	13.701,05	
2	Vỏ thùng phuy có dính dầu mỡ	phuy	80	

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào GIÁ]

Tên gói dịch vụ: _____ [Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu gói mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [Ghi tên Nhà cung cấp], cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ [Ghi tên gói dịch vụ] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là

[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp].

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA DỊCH VỤ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]
 Tên dịch vụ: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ yêu cầu]

Khối lượng chất thải dự kiến thu gom, xử lý, thu hồi

STT	Tên chất thải	ĐVT	Khối lượng (kg)	Giá trị xử lý		Khối lượng thu hồi dự kiến	Giá trị thu hồi		Ghi chú
				Đơn giá xử lý (đồng)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bán sau xử lý (đồng)	Thành tiền (đồng)	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	kg	13.701,05			10.960,84			
2	Vỏ thùng phuy có dính dầu mỡ	phuy	80			80,00			Thu hồi 100%
	Tổng giá trị trước thuế								
	Thuế GTGT (xử lý)								
	Thuế GTGT (bán sản phẩm)								
	Tổng giá trị sau thuế								

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: _____ [Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

1. Địa điểm thực hiện:
2. Tiến độ thực hiện cung cấp dịch vụ:
3. Thanh toán:
4. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: _____ [Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục các công việc thực hiện của dịch vụ được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: /2026/HĐSXKD-ĐN5

Gói cung cấp: Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026.

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày /7/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV về việc phê dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026;

Căn Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày / /2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026;

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại văn phòng Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Đại diện: Ông **TRẦN VĂN TUẤN** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Điện thoại: 063.976 888

Mã số thuế: 0104297034 – 007

Tài khoản: 1020831973 tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Bên B:

Đại diện:

Chức vụ :

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Mã số thuế:

Số Tài khoản :

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung công việc.

Bên A đồng ý giao cho Bên B Xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026 (sau đây gọi tắt là CTNH) năm 2026 phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên A.

+ Danh mục, khối lượng cụ thể của từng loại chất thải và thời gian yêu cầu Bên B thu gom vận chuyển xử lý chất thải nguy hại sẽ được Bên A có văn thông báo cho Bên B.

+ Đối với phần có thu hồi sau xử lý khi Bên B xử lý xong thì Bên B phải thực hiện phối hợp với Bên A để nghiệm thu khối lượng làm cơ sở cân đối thanh toán hợp đồng.

Điều 2. Phương thức và địa điểm giao nhận.

Phương thức giao nhận:

Bên B sẽ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại cho Bên A theo danh mục chất thải nguy hại theo từng đợt và theo văn bản thông báo của Bên A. nhận được văn bản của bên A thì Bên B sắp xếp nhân lực phương tiện dụng cụ để thực hiện công việc theo hợp đồng.

Sau khi giao nhận hai bên phải đối chiếu từng loại số lượng chất thải nguy hại và ký xác nhận của đại diện hai Bên vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường.

Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải nguy hại, Bên B chỉ nhận đúng khối lượng, chủng loại theo thông báo từng đợt của bên A.

Đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh ngoài danh mục trên thông báo của Bên A thì hai bên sẽ thương lượng mức giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

Địa điểm giao nhận:

Bên A giao chất thải cho Bên B tại kho của Bên A theo địa chỉ: Tại kho Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán:

3.1 Giá hợp đồng:

- **Giá trị chi phí xử lý chất thải: đồng (Bằng chữ:).** Giá đã bao gồm các chi phí thu gom, chi phí vận chuyển, chi phí xử lý, thuế, phí liên quan. Chi tiết phụ lục dự toán đính kèm.

- **Giá trị thu mua thanh toán theo khối lượng thực tế sau xử lý: đồng (Bằng chữ:).** Giá đã bao gồm các chi phí thu gom, chi phí vận chuyển, thuế, phí liên quan. Chi tiết phụ lục dự toán đính kèm

Khối lượng trên hợp đồng là khối lượng dự kiến thực hiện năm 2026 khối lượng này có thể tăng hoặc giảm do tình hình phát sinh chất thải nguy hại trong năm tỷ lệ thu hồi thực tế sau khi xử lý. Bên A hoặc bên B thanh toán theo khối lượng nghiệm thu thực tế mà đơn giá không thay đổi.

- **Hai bên được phép đối trừ công nợ....**

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng;

3.2 Phương thức thanh toán.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Thời hạn thanh toán:

Tùy vào giá trị theo biên bản nghiệm, giá trị cân đối giữa giá trị thu hồi và giá trị xử lý mà bên A hoặc Bên B xuất hóa đơn theo quy định hiện hành. Trong vòng 90 ngày sau khi Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng và Bên B cung cấp cho Bên A đầy đủ 05 bộ hồ sơ thanh toán gồm các chứng từ sau:

+ Công văn đề nghị thanh toán do Bên B phát hành;

+ Hóa đơn thuế VAT hợp lệ;

- + Bảng giá trị đề nghị thanh toán;
- + Bảng tổng hợp giá trị thanh toán;
- + Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A chứng từ Chất thải nguy hại theo quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành;
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng dầu sau khi xử lý
- + Biên bản giao, nhận chất thải nguy hại của hai bên.

Điều 4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Trong đó thời gian thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 5. Trách nhiệm của hai bên

5.1. Trách nhiệm Bên A

- Thông báo bằng văn bản cho Bên B khối lượng và thời gian từng đợt thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

- Bên A chịu trách nhiệm phân loại và quản lý CTNH tại kho của Bên A theo đúng quy định.

- Bên A có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình giao nhận CTNH tại kho Bên A.

- Bên A có trách nhiệm giao chất thải theo **Điều 1** của Hợp đồng.

- Trong thời hạn hợp đồng Bên A không được giao CTNH cho đơn vị khác xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu Bên A vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên B theo đúng quy định pháp luật.

- Theo qui định về trách nhiệm của chủ nguồn thải tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu của Bên B (chứng từ CTNH gồm 04 liên), Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của Bên A; Nếu chủ nguồn thải không kê khai chứng từ CTNH ngay thời điểm chuyển giao chất thải (trừ trường hợp bất khả kháng có thông báo gửi cho Bên A) thì trong vòng 06 tháng phải bổ sung chứng từ cho Bên A. Sau 06 tháng Bên A sẽ không nhận chứng từ CTNH vì quá hạn xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và chứng từ đó sẽ bị hủy. Trong trường hợp này, Bên A sẽ căn cứ theo hợp đồng và biên bản giao nhận để xuất hóa đơn. Bên B vẫn phải thanh toán đầy đủ chi phí cho Bên A sau khi nhận được hóa đơn tài chính từ Bên A.

5.2. Trách nhiệm Bên B

- Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của Bên A theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên B vận chuyển CTNH ra khỏi kho của Bên A thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của Bên B.

- Khi thu gom vận chuyển CTNH Bên B chỉ sử dụng các xe vận chuyển nằm trong danh mục giấy phép hành nghề quản lý CTNH của Bộ Tài nguyên và Môi Trường cấp.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao nhận CTNH, Bên B chịu trách nhiệm hoàn tất toàn bộ chứng từ CTNH mà Bên A đã chuyển giao cho Bên B.

- Bên B nhận số lượng dầu thải sau xử lý của Bên A sử dụng theo đúng mục đích đã nêu trên hợp đồng này và theo pháp luật hiện hành, mọi vấn đề về môi trường Bên B sẽ chịu trách nhiệm.

- Chỉ sử dụng dầu thải thu mua của bên A để làm chất đốt.

Điều 6. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng

a) Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình ghi trong hợp đồng thì dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia thì bên vi phạm phải chịu bồi thường thiệt hại cho bên kia.

b) Các hình thức phạt

- Trường hợp Bên B vi phạm thời gian thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại do lỗi chủ quan thì Bên B sẽ chịu phạt 3% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm trong vòng 24 giờ chậm, Nhưng số lần vi phạm không quá 02 lần, tổng số tiền phạt vi phạm không vượt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Nếu số ngày chậm và số lần vi phạm vượt quá mức qui định nêu trên thì Bên A có quyền xem xét đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Phạt thanh toán chậm: Nếu Bên A chậm thanh toán theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng thì phải bồi thường cho Bên B với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay trong hạn (phần trăm của năm) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tính từ ngày hết hạn thanh toán cho khoản tiền vi phạm.

c) Khấu trừ tiền phạt và bồi thường thiệt hại: Khấu trừ vào tiền thanh toán hoặc nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản.

d) Thường: Không áp dụng

Điều 7. Điều khoản bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra các sự kiện như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của chính phủ về xuất khẩu hay nhập khẩu và các sự kiện bất khả kháng khác, là những sự kiện xảy ra sau thời điểm ký kết hợp đồng này, mà các bên không có khả năng dự đoán, kiểm soát và ngăn chặn, làm cho Bên A không thể giao toàn bộ hoặc một phần hoặc trì hoãn việc Giao hàng cho Bên B thì Hai bên sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc này.

Điều 8. Điều khoản chung.

- Trước khi Bên A bàn giao Chất thải nguy hại cho Bên B hai bên tiến hành lập biên bản xác nhận danh mục chất thải nguy hại sau khi xử lý có còn giá trị hay không (Nếu còn giá trị thì hai bên thống nhất % còn lại sau xử lý).

- Trong trường hợp 02 Bên thay đổi thông tin về chủ nguồn thải hoặc giấy phép kinh doanh thì một trong hai (02) Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết. Nếu 02 (hai) Bên không thực hiện đúng theo điều khoản thì Bên vi phạm sẽ chịu mọi trách nhiệm.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B không cho phương tiện đến nhận chất thải cho Bên A theo hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và có văn bản gửi cho Bên B sau 2 ngày thời gian thực hiện hợp đồng. Bên B phải thanh toán tiền đúng bằng giá trị xử lý chất thải cho Bên A.

- Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận

trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai bên.

- Giải quyết tranh chấp:

Bên mời cung cấp và nhà cung cấp có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thoả thuận về giải quyết các tranh chấp theo Hợp đồng thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua Toà án nhân dân có thẩm quyền tại Lâm Đồng theo quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam. Quyết định của Toà án nhân dân có thẩm quyền được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên.

- Các bản phụ lục hợp đồng (nếu có) ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

Điều 9. Hiệu lực của hợp đồng.

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình nêu trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì khó khăn vướng mắc hai bên sẽ gặp nhau cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và bên A bàn giao chất thải nguy hại cho bên B thực hiện. Hết hiệu lực sau khi hai Bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 07 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 05 bản, Bên B giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Văn Tuấn

Phụ lục tổng hợp giá trị
(Kèm theo hợp đồng số /2026/HĐSXKD-ĐN5 ngày / /2026)
Khối lượng chất thải dự kiến thu gom, xử lý, thu hồi

STT	Tên chất thải	ĐVT	Khối lượng (kg)	Giá trị xử lý		Khối lượng thu hồi dự kiến	Giá trị thu hồi		Ghi chú
				Đơn giá xử lý (đồng)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bán sau xử lý (đồng)	Thành tiền (đồng)	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	kg	13.701,05			10.960,84			
2	Vỏ thùng phuy có dính dầu mỡ	phuy	80			80,00			Thu hồi 100%
	Tổng giá trị trước thuế								
	Thuế GTGT (xử lý)								
	Thuế GTGT (bán sản phẩm)								
	Tổng giá trị sau thuế								